



fán gāng

钒钢

noun · vanadium steel

Example Sentence

Zhè zhǒng fán gāng fēi cháng jiāng òu cháng yòng yú zhì zào gōng jù.
 这种钒钢非常坚固，常用于制造工具。

This vanadium steel is very strong and is often
 used to make tools.

Trace each character, then write the word on your own.

钒	钒	钒	钒	钒	钒	钒	钒	钒	钒	钒

钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢
